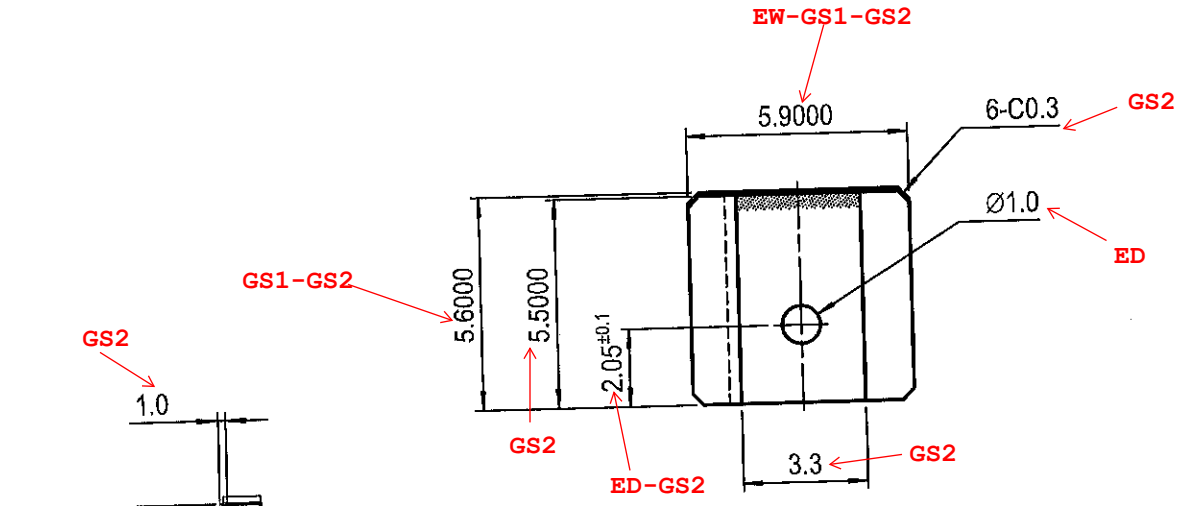
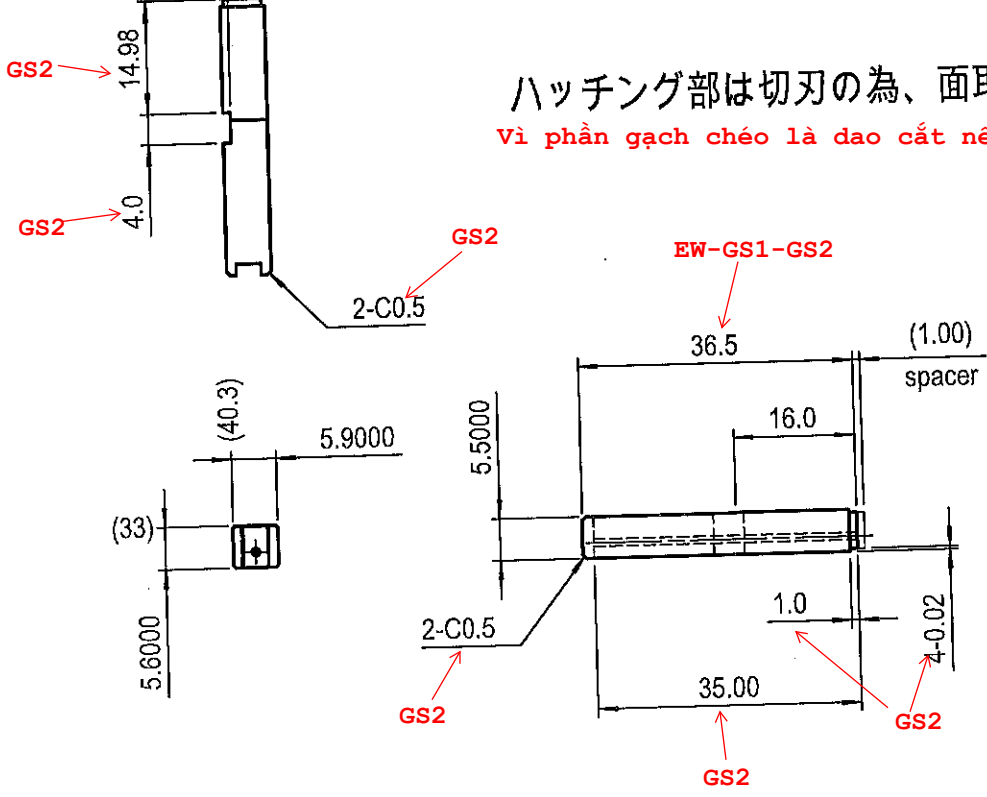


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2018/05/16	新規設計		Lang Jin Yinn	Chang Fu Rung	0.0000	± 0.002	0.000 <sup>+0</sup> <sub>-0.005</sub>	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 <sub>-0</sub>	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 <sup>+0</sup>	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 <sub>-0</sub>	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 <sup>+0</sup>	+0 -0.1
								0.0 <sub>-0</sub>	+0.1 -0
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
						FINISH MARKS			
						G ▽▽▽			

4/22



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)  
 Vì phần gạch chéo là dao cắt nên không được vát C.



60  
30  
60  
60  
200

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Lang Jin Yinn	Chang Fu Rung	部品圖		ノッチカット型 先端カットパンチ	
QUENCH&TEMPER	SURFACE				
IRC					
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2018/05/16	1:1(5/1)		R161007	

16 x 10 x 40

SNO: **R161007**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T6*10*40</b>	EW1:30 GS1:30 ED:30 GS2:120 KT